



Ảnh: Quang Huy

Giải pháp phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn ứng dụng công nghệ cao

PHẠM VĂN HIẾU

Kinh nghiệm và thực tiễn tại các nước trên thế giới cho thấy, sản xuất nông nghiệp với quy mô lớn ứng dụng công nghệ cao tạo ra bước đột phá trong phát triển ngành nông nghiệp sạch, chất lượng, hiệu quả và năng suất cao. Nền nông nghiệp Việt Nam đang bước vào giai đoạn mới, phát triển theo chiều sâu với quy mô lớn hơn để hội nhập kinh tế quốc tế. Điều đó đặt ra yêu cầu về ứng dụng công nghệ cao nhằm tăng hiệu quả, khả năng cạnh tranh, chất lượng sản phẩm và đáp ứng nhu cầu ngày một đa dạng của thị trường.

Thực trạng ngành nông nghiệp Việt Nam

Nông nghiệp là ngành có sức lan tỏa lớn nhất và có tính kết nối cao với nhiều ngành trong nền kinh tế: cung cấp đầu vào cho ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, chế biến xuất khẩu, đồng thời sử dụng sản phẩm của các ngành công nghiệp và dịch vụ, như: nhiên liệu, phân bón, hóa chất, máy móc cơ khí, năng lượng, tín dụng, bảo hiểm... Ngoài ra, nông nghiệp còn liên quan mật thiết đến sức mua của dân cư và sự phát triển thị trường trong nước. Với 50% lực lượng lao động cả nước đang làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp và 70% dân số sống ở nông thôn, mức thu nhập trong nông nghiệp có ảnh hưởng rất lớn đến sức cầu của thị trường nội địa và tiềm năng đầu tư dài hạn. Nông nghiệp Việt Nam đã và

đang đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo an ninh lương thực, tạo việc làm và thu nhập cho 70% dân cư, là nhân tố quyết định xóa đói giảm nghèo, góp phần phát triển kinh tế và ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

Những năm gần đây, mặc dù bị tác động của khủng hoảng và suy thoái kinh tế thế giới, nông nghiệp Việt Nam ngày càng thể hiện rõ vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế, tiếp tục giữ tăng trưởng ổn định. Năm 2011, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt gần 25 tỷ USD, tăng 29% so với năm 2010. Thặng dư thương mại toàn ngành năm 2011 đạt trên 9,2 tỷ USD, góp phần giảm nhập siêu cả nước; nông nghiệp đóng góp khoảng 20% GDP và chiếm 30% giá trị kim ngạch xuất khẩu quốc gia. Năm 2012, nông nghiệp vẫn giữ đà tăng trưởng của năm 2011 với giá

trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản cả nước tăng 3,4%, trong đó, nông nghiệp tăng 2,8%, lâm nghiệp 6,4%, thủy sản 4,5%. Tốc độ tăng trưởng toàn ngành đạt 2,7%. Năm 2013, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản cả nước tăng 3,2%, trong đó, nông nghiệp tăng 2,3%, lâm nghiệp 6%, thủy sản 4,5%. Tốc độ tăng trưởng toàn ngành đạt 2,6%.

Để tạo kênh dẫn vốn trong đầu tư nông nghiệp, nông thôn (NNNT), góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững trong khu vực NNNT, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách tín dụng phục vụ phát triển NNNT, trong đó có Nghị định 41/2010/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) cũng xác định NNNT là một trong 5 lĩnh vực ưu tiên và chỉ đạo các tổ chức tín dụng

(TCTD) tập trung nguồn vốn cho vay, thực hiện các giải pháp đẩy mạnh cho vay phát triển NNNT nhằm giúp người dân, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận vốn vay phục vụ sản xuất kinh doanh.

Nhờ những chính sách phù hợp và sự nỗ lực của ngành Ngân hàng mà thời gian qua tín dụng cho lĩnh vực NNNT có mức tăng bình quân cao hơn mức tăng chung của nền kinh tế. Tính đến cuối năm 2013, dư nợ tín dụng lĩnh vực NNNT đạt gần 672 nghìn tỷ đồng, tăng 19,6% so với cuối năm 2012, trong khi đó mức tăng chung của nền kinh tế là 12,5%, tăng gấp 2,3 lần so với năm 2009.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ và NHNN, bên cạnh trụ cột và tiên phong trong hoạt động tín dụng cho NNNT của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank), các ngân hàng thương mại khác cũng đã tích cực đẩy mạnh tín dụng cho NNNT. Tính đến 31/12/2013, dư nợ cho vay NNNT của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) đạt gần 54 nghìn tỷ đồng, tăng 33,6% so với năm 2012. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) cũng đã giải ngân cho lĩnh vực này lên tới 34 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 13,2% tổng dư nợ. Đối với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank), dư nợ cho vay NNNT tính đến ngày 31/12/2013 đạt xấp xỉ 672 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 19,3% tổng dư nợ, tăng gần 20% so với năm 2012...

Tồn tại và nguyên nhân

Mặc dù được Chính phủ, các Bộ,

ngành quan tâm hỗ trợ nhưng thực tế, ngành NNNT Việt Nam vẫn phát triển chậm so với các nước trong khu vực và thế giới. Sản xuất nông nghiệp vẫn thô sơ, nhỏ lẻ, hàng hóa nông sản xuất khẩu có thương hiệu thấp trên thị trường quốc tế, chưa tương xứng với tiềm năng của một nước có nền nông nghiệp lâu đời.

Nguyên nhân đầu tiên của thực trạng trên là do tăng trưởng nông nghiệp thời gian qua của nước ta chủ yếu theo chiều rộng, thông qua tăng diện tích, tăng vụ và dựa trên mức độ thâm dụng các yếu tố vật chất đầu vào cho sản xuất như số lượng lao động, vốn, vật tư và đất đai mà không dựa vào thành tựu KH&CN, đặc biệt là các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, chế biến nên năng suất, chất lượng, hiệu quả của trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, khai thác thủy hải sản còn thấp. Sản xuất nông nghiệp đã và đang gây tác động tiêu cực đến môi trường như: mất đa dạng sinh học, suy thoái tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm nguồn nước, đất đai bị bạc màu, chi phí sản xuất tăng... đe dọa tính bền vững của tăng trưởng ngành nông nghiệp.

Tình trạng sản xuất nông nghiệp manh mún, ruộng đất bị xé lẻ, phần lớn nông hộ có diện tích đất nhỏ, rải rác làm tăng rủi ro, ngăn cản quá trình áp dụng KH&CN tiên tiến, khó bảo quản hàng hóa, tăng chi phí sản xuất, gây phức tạp cho quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, kiểm soát dịch bệnh.

Công nghiệp chế biến nông sản vẫn còn kém phát triển. Việt Nam chủ yếu

xuất khẩu nguyên liệu thô, trong khi hàng hóa thành phẩm được sản xuất ở nước khác và sau đó lại được nhập khẩu trở lại Việt Nam. Điều này phản ánh thực trạng nông dân, doanh nghiệp Việt Nam đang tự làm thất thoát giá trị hàng nông sản trên thị trường quốc tế. Cho tới nay, có rất ít thương hiệu nổi tiếng gắn với nông sản Việt Nam.

Thêm vào đó, năng lực các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, xuất khẩu nông sản còn hạn chế, đặc biệt là năng lực quản lý, nghiên cứu, dự báo thị trường, năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế yếu; Công tác xúc tiến thương mại, xúc tiến xuất khẩu chưa được các Bộ, ngành liên quan quan tâm đầu tư đúng mức nên chưa tạo điều kiện đẩy mạnh xuất khẩu.

Quan hệ sản xuất trong nông nghiệp chậm đổi mới, cơ chế hợp tác liên kết sản xuất chế biến sản phẩm còn nhiều bất cập làm cản trở phát triển hợp tác nông - công do tính rủi ro khi ký kết hợp đồng bao tiêu nông sản với nhiều nông hộ nhỏ, lẻ, phân tán.

Sản xuất trong nông nghiệp gặp nhiều rủi ro như hạn hán, lũ lụt, dịch bệnh... khiến cho các doanh nghiệp bảo hiểm không mặn mà trong việc thúc đẩy bảo hiểm nông nghiệp. Điều này dẫn đến sự hạn chế các doanh nghiệp đầu tư vào NNNT.

Xây dựng nông thôn mới là chương trình lớn nhất từ trước đến nay trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Nhiều kế hoạch, cơ chế chính sách đã được ban hành nhưng nhiều nơi vẫn mới dừng lại ở quy hoạch, đề án; Việc huy động các nguồn lực của toàn xã hội xây dựng nông thôn mới còn hạn chế.

Bên cạnh đó, nguồn lực cho tăng trưởng nông nghiệp trong vài năm gần đây đã không còn được dồi dào, nông nghiệp đang phải cạnh tranh với các ngành công nghiệp và dịch vụ khác. Chi phí sản xuất ngày càng cao làm giảm khả năng cạnh tranh của các sản phẩm của nông nghiệp Việt Nam với vị thế là nước sản xuất có chi phí thấp so với các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong khi đó, đầu tư cho NNNT ngày càng giảm dần, chưa tương xứng với sự đóng góp của nông nghiệp cho nền kinh tế. Nếu



Công nghiệp chế biến nông sản vẫn còn kém phát triển, Việt Nam chủ yếu xuất khẩu nguyên liệu thô

Ảnh: Quang Huy

năm 2000, tỷ trọng đầu tư vào ngành nông nghiệp chiếm 13,85% tổng đầu tư của xã hội thì tới năm 2005 chỉ còn 7,5%; năm 2008 là 6,45%; năm 2009 là 6,26%; năm 2010 và 2011 là 6%. Năm 2012 - 2013, vốn đầu tư cho nông nghiệp có tăng nhưng cũng chỉ đáp ứng từ 50%-60% nhu cầu của khu vực này.

Từ những phân tích trên cho thấy, để phát triển ngành nông nghiệp một cách bền vững, tạo ra nhiều giá trị gia tăng cho nền kinh tế, cần thiết phải tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển đổi mô hình sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, thô sơ, lạc hậu sang mô hình sản xuất với quy mô lớn ứng dụng KH&CN tiên tiến, từ đó tạo ra sản phẩm nông nghiệp sạch, chất lượng và năng suất cao.

Giải pháp phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn ứng dụng công nghệ cao

Gần đây, Việt Nam cũng đã quan tâm và bước đầu nghiên cứu, áp dụng KH&CN trong nông nghiệp và đạt được một số kết quả bước đầu trong sản xuất giúp năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi tăng lên đáng kể. Trong đó, một số mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đầu tư có hiệu quả đem lại lợi nhuận lớn như sản xuất cây giống tại Tổng Công ty giống cây trồng Thái Bình, Cánh đồng lớn của Công ty Bảo vệ Thực vật An Giang, mô hình nuôi bò và chế biến sữa của Công ty TH TrueMilk, Công ty sữa Mộc Châu, các công ty trồng hoa công nghệ cao tại Đà Lạt, Mộc Châu, Trung tâm Phát triển Nông lâm nghiệp công nghệ Hải Phòng với hệ thống nhà kính, nhà lưới hiện đại từ công nghệ của Israel...

Tuy nhiên, để xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa lớn, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh cao, thu hẹp khoảng cách so với các nước tiên tiến trong xu thế hội nhập, cần thực hiện đồng bộ những giải pháp sau:

Thứ nhất, Nhà nước chỉ đạo chính quyền địa phương hoàn thiện công tác quy hoạch, đặc biệt là quy hoạch các vùng, các sản phẩm nông sản có thế mạnh của địa phương để các doanh nghiệp có cơ sở để đầu tư.

Thứ hai, phát triển liên kết công - tư theo hướng phát huy mô hình "doanh nghiệp đầu tư, quản lý, Nhà nước hỗ trợ", như vậy doanh nghiệp tự đầu tư và tự lựa chọn mô hình tốt nhất để sử dụng và tự quản lý nguồn vốn để tăng hiệu quả, còn Nhà nước thì tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp thông qua hành lang pháp lý, những chính sách cụ thể, kịp thời. Tránh tình trạng doanh nghiệp khó khăn trong thời gian dài, sau đó Nhà nước mới tham gia hỗ trợ.

Thứ ba, bên cạnh tạo hành lang pháp lý thuận lợi, cần những chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nhà nước thu hút doanh nghiệp bằng những cơ chế, chính sách ưu đãi về ruộng, đất, thuế, tín dụng, phát triển nguồn nhân lực, quản lý chất lượng sản phẩm, đào tạo nguồn nhân lực, chính sách phát triển thị trường... Chính những chính sách này sẽ thu hút được ngày càng nhiều doanh nghiệp đủ năng lực đầu tư.

Thứ tư, Chính phủ, NHNN khuyến khích các TCTD tích cực thúc đẩy tín dụng phát triển NNNT. Các TCTD cần nghiên cứu đưa ra những sản phẩm tín dụng phù hợp có mức lãi suất thấp trong dài hạn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xây dựng kế hoạch đầu tư sản xuất kinh doanh.

Thứ năm, chính quyền địa phương ở những khu vực được Nhà nước quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cần phối hợp chặt chẽ với doanh nghiệp trong quá trình triển khai, vận động người dân tham gia và ủng hộ doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thể tạo điều kiện cho nông dân tham gia góp vốn bằng quyền sử dụng đất và nông dân hưởng lợi trên tỷ lệ góp vốn - đây là cách mà TH TrueMilk đã thực hiện thành công thời gian qua.

Thứ sáu, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của Nhà nước trong quản lý hoạt động KH&CN trong nông nghiệp nhằm quản lý chất lượng nông sản, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Thứ bảy, Nhà nước nhanh chóng triển khai các hình thức bảo hiểm NNNT để vừa tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hộ nông dân tiếp cận vốn tín dụng, vừa

giảm thiểu rủi ro. Bên cạnh đó, cần tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền chính sách của Nhà nước về NNNT tới người dân.

Thứ tám, để sản phẩm xuất khẩu nông nghiệp có lợi thế của Việt Nam vươn ra thị trường thế giới, Nhà nước cần có những chính sách xây dựng thương hiệu nông sản và hình ảnh quốc gia trên thị trường quốc tế.

Ngoài ra, TS. Võ Trí Thành - Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kinh tế Trung ương (CIEM) cho rằng, để có thể phát triển được ngành nông nghiệp với quy mô lớn ứng dụng công nghệ cao cần phải tạo ra một chuỗi giá trị từ đầu vào cho đến đầu ra; cần có một cơ sở hạ tầng đầy đủ, lượng tín dụng dồi dào trong dài hạn, cùng với những chính sách hỗ trợ, ưu đãi từ Chính phủ đến các Bộ, ngành có liên quan. Nếu làm được như vậy, doanh nghiệp mới có thể mạnh dạn đầu tư để phát triển nông nghiệp công nghệ cao, bởi thực tế đã có một số dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã thất bại do một số nguyên nhân như: cơ sở hạ tầng của địa phương thấp, chính sách về đất đai để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn chưa phù hợp, đầu ra của sản phẩm không bền vững, thiếu nguồn tín dụng trong dài hạn...

Còn theo ThS. Nguyễn Văn Tiến - Vụ trưởng Vụ NNNT, Ban Kinh tế Trung ương, phát triển nông nghiệp công nghệ cao cần có sự liên kết chặt chẽ giữa 5 nhà: Nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp, nhà tư vấn và nhà nông. Trong đó, sự năng động, sáng tạo của doanh nghiệp đóng vai trò chủ đạo. Nhà nước và các Bộ, ngành liên quan cần hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư vào các khu nông nghiệp công nghệ cao.

Sản xuất nông nghiệp quy mô lớn ứng dụng công nghệ cao là một bài toán khó cho Việt Nam trong thời điểm hiện nay. Tuy nhiên, các giải pháp của Chính phủ, các Bộ ngành nếu được triển khai đồng bộ, phối hợp chặt chẽ thì trong trung hạn, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sẽ phát triển mạnh mẽ, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế một cách hiệu quả, bền vững ■